

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2019/HSST
Ngày 20-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Khoa Hương**

Các hội thẩm nhân dân: 1- Ông **Nguyễn Thành Lâm**
2- Ông **Đỗ Minh Thân**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Nhân Đạo** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST- HS ngày 06/3/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số 47/2019 ngày 03/6/2019 đối với các bị cáo.

1. Nguyễn Văn H - Sinh ngày 20/01/1992 tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh T. Nơi ĐKKHKT + Chỗ ở hiện nay: Tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh T Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: lớp 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn Ng (Đã chết) . Con bà: Lê Thị M - SN 1966 Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Văn H bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2018, đến ngày 26/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh T (Có mặt).

2. Trần Văn N - Sinh ngày 14/ 4/2001 tại khu 7 xã Đ, huyện T, tỉnh P. Nơi ĐKKHKT + Chỗ ở hiện nay: Khu 7 xã Đ, huyện T, tỉnh P. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: lớp 9/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Văn T - SN 1978 . Con bà: Nguyễn Thị Ng - SN 1977 Anh chị em ruột: Có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trần Văn N bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2018, đến ngày 26/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh P

(Có mặt).

3. Trương Công P - Sinh ngày 10/02/1974 tại khu 4 xã Đ, huyện K, tỉnh H.
Nơi ĐKKTT + Chỗ ở hiện nay: tại khu 4 xã Đ, huyện K, tỉnh H.
Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: lớp 5/12. Dân tộc: Kinh.
Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Trương Công T1 - (Đã chết). Con bà: Đào Thị T2 -(Đã chết)
Anh chị em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất.
Vợ: Nguyễn Thị H1 - SN 1981. Hiện nay khu 4 xã Đ, huyện K, tỉnh H.
Con: Có 03, con lớn sinh năm 2001 con nhỏ sinh năm 2012
Tiền án, tiền sự: Không.

+ Lịch sử bản thân: Tại bản án số 192 ngày 08/8/1992 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 5 (Năm) tù về tội “ Cướp tài sản công dân”.

Bị cáo Trương Công P bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2018, đến ngày 26/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ, huyện K, tỉnh H. (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1978 là bố đẻ bị cáo Trần Văn N (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu 7 xã Đ, huyện T, tỉnh P.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Bùi Thị Thanh Nga** - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Nguyễn Văn G – SN 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 18 xã Đ, huyện T, tỉnh P.

2- Anh Nguyễn Văn H2 – SN 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 14 xã Đ, huyện T, tỉnh P.

3- Anh Nguyễn Tiến S – SN 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã L, huyện V, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S1 – Sinh năm 1990, ở thôn 2 (Nay là thôn Phú Lâm), xã L, huyện V, tỉnh Y, Trần Văn N – Sinh năm 2001, ở khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ và Trương Công P – Sinh năm 1974, ở khu 4, xã Đ, huyện K, tỉnh H cùng làm công nhân tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đào Xá thuộc khu 7 xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, do anh Nguyễn Văn H2 – sinh năm 1980, ở khu 14 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ quản lý. Khoảng 15 giờ ngày 20/12/2018, Nguyễn Văn S1 điều khiển xe mô tô BKS 21E1-163.xx chở Nguyễn Văn H – Sinh năm 1992, ở thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh T đi từ nhà S1 ở xã L, huyện V, tỉnh Y đến Công ty cổ phần xây dựng và thương mại ĐX để lấy tiền lương. Đến khoảng 18 giờ, S1 và H dừng lại ăn tối tại một quán ăn ven đường thuộc địa phận huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, S1 gọi điện thoại cho Trần Văn N, nói cho N biết việc S1 sắp đến Công ty và rủ N đến khu nhà ở dành cho công nhân của Công ty để đánh bạc thì N đồng ý. Sau khi ăn tối xong, S1 và H tiếp tục đi đến Công ty cổ phần xây dựng và thương mại ĐX.

Trên đường đi, S1 rẽ vào một cửa hàng tạp hóa mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân để làm công cụ đánh bạc. Còn N, sau khi nghe điện thoại của S1 xong thì đến gặp Trương Công P (lúc này đang làm việc tại khu vực lò gạch của Công ty) và rủ P đánh bạc cùng N và S1 thì P đồng ý. Khoảng 19 giờ 30 phút, khi N đang ở nhà thì S1 gọi điện thoại cho N nói là S1 đã đến nơi. Nghe điện thoại của S1 xong, N một mình đi bộ đến Công ty, khi đi đến khu vực cầu dân sinh cách cổng công ty khoảng 50m thì N gặp anh Nguyễn Văn G – sinh năm 1994 ở khu 18, xã Đ, huyện T là công nhân của Công ty cũng đang trên đường đến Công ty nên N đi nhờ xe của G đến dãy nhà tập thể của công ty thì gặp S1 và H. Tại đây, N sử dụng chiếc điện thoại Nokia 1280 màu xanh đã cũ, lắp sim số 0373.450.3xx của mình gọi điện thoại cho P bảo P đến để đánh bạc. Sau khi gọi điện thoại cho P xong, N đã đưa chiếc điện thoại cho G mượn để chơi điện tử, còn N, S1 và H cùng nhau vào phòng thứ nhất từ cổng vào của dãy nhà tập thể ngồi xuống chiếc chần lông hoa văn màu đỏ phủ trên chiếc chiếu trúc đã trải sẵn ở nền phòng để đánh bạc. S1 lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân đã mua trước đó ra rồi cả nhóm cùng nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “liêng” ăn tiền. S1, H và N đánh bạc được khoảng 2 - 3 ván thì P đến. Do chỉ có khoảng 300.000đ nên P vay của N 1.000.000đ rồi cùng tham gia đánh bạc với các đối tượng. Về cách thức đánh bạc các đối tượng quy định cụ thể như sau: Dùng 52 quân bài tú lơ khơ từ quân A đến quân K chia đều cho mỗi người chơi 03 quân bài, số bài còn lại để dưới “chiếu bạc”. Ván bài đầu tiên, người chia bài sẽ được chọn ngẫu nhiên, các ván bài tiếp theo thì người chia bài là người thắng ván bài trước đó. Trước khi chia bài, mỗi người chơi phải đặt số tiền 20.000đ (gọi là tiền “Gà”) vào giữa “chiếu bạc”. Sau khi chia bài xong thì người chơi sẽ lựa chọn “úp bài”, “theo” hoặc “tố”, bắt đầu từ người chia bài, sau đó lần lượt theo chiều ngược chiều kim đồng hồ. Người chơi chọn “úp bài” (nghĩa là úp bài của mình xuống) thì sẽ bị xử thua ván đó và mất số tiền “gà” đã đặt lúc đầu; “Theo” thì người chơi sẽ phải đặt thêm số tiền bằng với số tiền người chơi trước đã đặt; “Tố” thì người chơi sẽ đặt thêm tiền vào tiền “gà” với số tiền cao hơn số tiền người chơi trước đã đặt nhưng không quá 100.000đ. Ván bài kết thúc khi chỉ còn một người không “úp bài” hoặc không ai “tố” thêm tiền nữa. Nếu chỉ còn một người theo bài thì người này sẽ là người thắng cuộc, nếu còn từ hai người trở lên tiếp tục chơi thì những người này sẽ so sánh bài với nhau để xác định người thắng cuộc theo thứ tự từ cao xuống thấp là Sáp - Liêng - Ảnh - Điểm. “Sáp” là 03 quân bài cùng bộ, thấp nhất là 03 quân 2 và cao nhất là 03 quân A; “Liêng” là 03 quân bài có giá trị liên tiếp nhau, liêng thấp nhất là A, 2, 3 và liêng cao nhất là Q, K, A; “Ảnh” là 03 quân bài đầu người (J, Q, K). Trường hợp bài của những người chơi không có Sáp, Liêng, Ảnh thì sẽ tính “Điểm” bằng cách cộng tổng giá trị của 03 quân bài người chơi được chia rồi lấy hàng đơn vị của tổng điểm tính là điểm của người chơi, ai cao điểm hơn thì sẽ là người thắng. Quy ước quân A là 1 điểm, các quân bài 10, J, Q, K là 0 điểm, các quân bài còn lại thì điểm là số thể hiện trên quân bài, bài có tổng điểm 10, 20 thì tính là 0 điểm. Nếu người chơi có Liêng bằng nhau hoặc có cùng Ảnh, cùng Điểm thì sẽ dựa vào chất của các quân bài để so sánh theo thứ tự từ cao xuống thấp là “Rô - Cơ - Tép - Bích”. Các đối tượng đánh bạc đến 21 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Thanh Thủy phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại vị trí các đối tượng ngồi đánh bạc số tiền 5.335.000 đồng, 01 chiếu trúc đã qua sử dụng, 01 chần lông có hoa văn màu đỏ đã qua sử dụng

và 52 quân bài tú lơ khơ. Kiểm tra người các đối tượng, Cơ quan Công an thu giữ của: Nguyễn Văn S1 01 điện thoại Iphone màu đen, 01 điện thoại Nokia model-105 màu đen, 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S1 và 01 đăng ký xe mô tô BKS 21E1-163.xx; Nguyễn Văn H 01 điện thoại Iphone màu trắng; Trương Công P 01 điện thoại Nokia model-TA1034 màu đen.

Thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với dãy nhà tập thể của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại ĐX ở khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào hồi 22 giờ ngày 20/12/2018, Cơ quan Công an thu giữ tại trước cửa phòng thứ nhất từ cổng vào 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng-bạc-đen BKS: 21E1-163.xx đã cũ.

Về số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc được xác định như sau: Khi tham gia đánh bạc Nguyễn Văn S1 có khoảng 1.300.000đồng, Nguyễn Văn H có khoảng 1.200.000đồng, Trần Văn N có khoảng 2.500.000đồng, Trương Công P có khoảng 300.000đồng. Các đối tượng Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H, Trần Văn N và Trương Công P sử dụng toàn bộ số tiền đem theo vào mục đích đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc các đối tượng để toàn bộ số tiền trên chiếu bạc. Khi Công an huyện Thanh Thủy bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.335.000đồng. Ngoài ra, khi các đối tượng Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H và Trần Văn N đang đánh bạc, thì Trương Công P đến và vay của Trần Văn N số tiền 1.000.000đồng để đánh bạc. Do vậy xác định số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.335.000đồng. Ngày 26/01/2019, Trương Công P đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000đồng trên cho Công an huyện Thanh Thủy.

Căn cứ hành vi phạm tội của các đối tượng, ngày 26/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H, Trần Văn N và Trương Công P về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra, các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Trần Văn N, khi thực hiện hành vi phạm tội N chưa đủ 18 tuổi. Do vậy trong quá trình xử lý vụ án cần áp dụng các quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị can.

Đối với anh Nguyễn Văn H2 – sinh năm 1980, ở khu 14 xã Đ, huyện T, là quản lý của Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại ĐX. Quá trình điều tra thể hiện khi các đối tượng đến dãy nhà tập thể dành cho công nhân của Công ty đánh bạc, anh H2 đã tan làm và về nhà. Bản thân anh H2 không biết việc các đối tượng đến khu vực mình quản lý để đánh bạc. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không đề cập xử lý anh H2 trong vụ án.

Đối với anh Nguyễn Văn G là người cho N đi nhờ xe đến dãy nhà tập thể của Công ty và là người ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Quá trình điều tra thể hiện khi N đi nhờ xe của anh G, N không nói là N đi đánh bạc. Quá trình các đối tượng đánh bạc, anh G chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc cùng. Do vậy, hành vi của anh Giáp không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Quá trình điều tra, Trần Văn N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đã cũ, lắp sim số 0373.450.3xx, là chiếc điện thoại Trần Văn N sử dụng liên lạc với Nguyễn Văn S1 và Trương Công P để rủ nhau đánh bạc vào tối ngày 20/12/2018.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho Nguyễn Văn S1 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu đen, lắp sim số 0964.469.9xx, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng-bạc-đen BKS: 21E1-163.xx, 01 ví giả da bên trong có 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Sơn và 01 đăng ký xe mô tô BKS: 21E1-163xx; Trả lại cho Nguyễn Văn H 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng; Trả lại cho Trương Công P 01 điện thoại Nokia model TA1304 màu đen.

Bản cáo trạng số:16/CT-VKSTT ngày 06/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn H, Trần Văn N, Trương Công P về tội “*Đánh bạc*” theo Khoản 1 Điều 321- Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy đề nghị truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn H, Trần Văn N, Trương Công P về tội “*Đánh bạc*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn H từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ 7 ngày bị tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 26/12/2018. Quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo H còn phải chấp hành từ 8 tháng 9 ngày đến 11 tháng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Q, huyện Q, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, giao bị cáo H cho UBND xã Q giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 - Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo: Trương Công P 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ 7 ngày bị tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 26/12/2018. Quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo P còn phải chấp hành từ 11 tháng 9 ngày đến 14 tháng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện K, tỉnh H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, giao bị cáo P cho UBND xã Đại Hưng, huyện K giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ

Miễn hình phạt bổ xung theo quy định tại Khoản 3 Điều 321, Khoản 3 Điều 36 – BLHS cho bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Trương Công P.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 91, Điều 98, Điều 100 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Trần Văn N từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ 7 ngày bị tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 26/12/2018. Quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N còn phải chấp hành từ 5 tháng 9 ngày đến 8 tháng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày

UBND xã Đ, huyện T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, giao bị cáo N cho UBND xã Đ, huyện T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ xung theo quy định tại Khoản 3 Điều 321, Khoản 2 Điều 100 - BLHS cho bị cáo Trần Văn N,

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 - Bộ luật Hình sự; Điều 106 - Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu: 01 chiếc chiếu trúc đã cũ; 01 chiếc chăn lông có hoa văn màu đỏ đã cũ; 52 quần bài tú lơ khơ để tiêu hủy.

Tịch thu số tiền 6.335.000đ (Sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) để xung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn S1 01 chiếc điện thoại Nokia model -105 để phát mại bán lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu bị cáo Trần Văn N 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đã cũ để bán phát mại lấy tiền xung quỹ Nhà nước.

Tịch thu 01 sim số 0373.450.3xx; 01 sim số điện thoại 0964.469.9xx để tiêu hủy.

Toàn bộ tài sản trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2019, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S1 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu đen, lắp sim số 0964.469.9xx, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Al pha màu trắng - bạc - đen BKS 21 E1 – 163.xx, 01 chiếc ví giả da bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Sơn và 01 đăng ký xe mô tô BKS 21 E1 – 163.xx.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động Iphon 5 màu trắng, bên trong lắp sim số 0961162xxx.

Trả lại cho bị cáo Trương Công P 01 chiếc điện thoại di động Nokia model TA1304 màu đen đã cũ, bên trong lắp sim số 0972533xxx

Toàn bộ tài sản trên được trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 26/01/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Trần Văn N là bà Bùi Thị Thu Nga đồng ý với quan điểm của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Trần Văn N. Về hình phạt bà Nga đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn N, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định và cho bị cáo cải tạo tại địa phương để sớm được hòa nhập với xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Văn S1 là bị cáo trong vụ án đánh bạc cùng các bị cáo H, bị cáo N, bị cáo P. Hiện nay bị cáo S1 không có mặt tại địa phương, Công an huyện Thanh Thủy đã có quyết định truy nã đối với bị cáo S1. Tòa án nhân dân Huyện Thanh Thủy ra quyết định tạm đình chỉ xét xử đối với bị cáo S1, Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy ra quyết định đình đình chỉ xét xử đối với bị cáo S1 đang chờ kết quả truy nã của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Thủy. Khi nào có kết quả truy nã của bị cáo S1 sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Nguyễn Văn G; anh Nguyễn Văn H2; anh Nguyễn Tiến S đã được Toà án triệu tập tham gia tố tụng, nhưng họ vắng mặt. Tại phiên toà hôm nay các bị cáo, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên toà mà đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai, biên bản đối chất tại Cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ tại phiên toà hôm nay không làm thay đổi đến bản chất, nội dung vụ án. Căn cứ vào Điều 290, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Thanh H, bị cáo Trần Văn N, bị cáo Trương Công P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy đã truy tố, không oan sai. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với vật chứng thu được và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đã đủ cơ sở kết luận:

Ngày 20/12/2018, tại khu 7 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ bị cáo Nguyễn Văn S1, sinh năm 1990 ở thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Y, bị cáo Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 ở thôn L xã Q, huyện Q, tỉnh T, bị cáo Trần Văn N, sinh ngày 14/4/2001 tại khu 7 xã Đ, huyện T, tỉnh p, bị cáo Trương Công P, sinh năm 1974 ở khu 4 xã Đ, huyện K, tỉnh H đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng ăn tiền tại nhà tập thể của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại ĐX, bị Công an huyện Thanh Thủy bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.335.000đ (Sáu triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng) đã đến mức sử lý về hình sự. Hành vi đánh bạc của các bị cáo bị cáo Nguyễn Thanh H, bị cáo Trần Văn N, bị cáo Trương Công P là nguy hiểm cho xã hội, cần xử lý nghiêm minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 –Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 321 – Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định.

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, tính chất mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Trần Văn N, bị cáo Trương Công P đã có hành vi đánh bạc tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại ĐX thuộc khu 7 xã Đ huyện T đã bị Công an phát hiện và bắt quả tang. Hành vi đánh bạc của bị cáo H, bị cáo N, bị cáo P là hành vi nguy hiểm cho xã hội,

gây mất trật tự an ninh ở địa phương, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh trong đời sống xã hội hiện nay, cũng như làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của các gia đình bị cáo và nhiều gia đình khác. Trên địa bàn huyện Thanh Thủy hiện nay các hình thức đánh bạc đang có chiều hướng ra tăng, diễn ra ở nhiều nơi, mặc dù nhiều vụ án đánh bạc đã được đưa ra xét xử nhằm tuyên truyền, giáo dục pháp luật, hình thức đánh bạc của các bị cáo ngày càng tinh vi, diễn ra ở nhiều nơi đã gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, hành vi đánh bạc của các bị cáo được xác định là có tính chất đơn giản, vai trò của từng bị cáo không được phân công rõ ràng, nên chỉ coi là đồng phạm trong vụ án mà không coi đó là đánh bạc có tổ chức. Sau khi phạm tội các bị cáo được gia đình xin bảo lãnh. Bị cáo N là người đã sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc lớn hơn so với bị cáo H, bị cáo P trong cùng vụ án, bị cáo H, bị cáo P là những người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được việc đánh bạc trái phép là vi phạm, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì không muốn lao động mà muốn được hưởng thụ từ hành vi trái pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện, thể hiện tính coi thường pháp luật. Đối với bị cáo Trần Văn N khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi, tuy nhiên bị cáo cũng đã nhận thức được các hành vi đánh bạc trái pháp luật đều bị nghiêm cấm, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần đưa các bị cáo ra xét xử và có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đối với từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Trương Công P là người có nhân thân xấu trước lần phạm tội này bị cáo đã bị Tòa án xét xử.

Tại bản án số 192/HSST ngày 08/8/1992, bị cáo Trương Công P bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt 5 năm tù về tội “*Cướp tài sản công dân*” tính đến thời điểm phạm tội bị cáo đã được xóa án tích. Nhưng sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt trên lại không ăn năn hối cải, sửa chữa lỗi lầm, tu dưỡng rèn luyện bản thân, làm ăn chân chính mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo đã coi thường pháp luật.

Xong trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo H, bị cáo N, bị cáo P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội các bị cáo đã được gia đình có đơn xin bảo lãnh. Bị cáo H, bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy bị cáo H, bị cáo N được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Công P hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo. HĐXX thấy rằng không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giữ đối với bị cáo H, bị cáo N, bị cáo P và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, giao cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát giáo dục, để các bị cáo tiếp tục rèn luyện, lao động cải tạo trở

thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, cũng như để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 321 Khoản và Khoản 3 Điều 36 - BLHS thì bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Trương Công P còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ và khấu trừ thu nhập, theo xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy thì bị cáo H, bị cáo P đều làm nghề lao động tự do, việc làm không ổn định, thu nhập thấp, bản thân các bị cáo không có tài sản riêng, nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là phù hợp.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo Khoản 3 Điều 321, Khoản 3 Điều 36 - BLHS cho bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Trương Công P.

Đối với bị cáo Trần Văn N khi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi, sống phụ thuộc vào gia đình, bản thân bị cáo không có tài sản riêng, nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo Khoản 3 Điều 321 và miễn khấu trừ thu nhập theo Khoản 2 Điều 100 - BLHS cho bị cáo.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo Khoản 3 Điều 321, Khoản 2 Điều 100 - BLHS cho bị cáo Trần Văn N.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Sơn. Sau khi phạm tội gia đình có đơn xin bảo lãnh. Ngày 26/12/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Thủy thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo S1, nhưng sau đó bị cáo Sơn không chấp hành đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không biết rõ bị cáo đang ở đâu. Do thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án đã hết nên Ngày 13/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã ra quyết định tạm đình chỉ xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn Sơn, chờ sau khi có kết quả truy nã sẽ xử lý sau là phù hợp. Những bị cáo khác trong cùng vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 - Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu: 01 chiếc chiếu trúc đã cũ; 01 chiếc chăn lông có hoa văn màu đỏ đã cũ; 52 quân bài tú lơ khơ để tiêu hủy.

Tịch thu số tiền 6.335.000đ (Sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) để xung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn S1 01 chiếc điện thoại Nokia model -105 để phát mại bán lấy tiền xung quỹ Nhà nước.

Tịch thu bị cáo Trần Văn N 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đã cũ để bán phát mại lấy tiền xung quỹ Nhà nước.

Tịch thu 01 sim số 0373.450.3xx; 01 sim số điện thoại 0964.469.xxx để tiêu hủy.

Toàn bộ tài sản trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2019, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Sơn 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu đen, lắp sim số 0964.469.xxx, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Al pha màu trắng

- bạc - đen BKS 21 E1 – 163.xx, 01 chiếc ví giả da bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn Sơn và 01 đăng ký xe mô tô BKS 21 E1 – 163.xx.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, bên trong lắp sim số 0961162xxx.

Trả lại cho bị cáo Trương Công P 01 chiếc điện thoại di động Nokia model TA1304 màu đen đã cũ, bên trong lắp sim số 0972533xxx

Toàn bộ tài sản trên được trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 26/01/2019.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Trần Văn N, bị cáo Trương Công P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người đại diện cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Trần Văn N, bị cáo Trương Công P phạm tội "*Đánh bạc*".

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 36 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ 7 ngày bị tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 26/12/2018. Quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo H còn phải chấp hành 11 tháng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Q, huyện Q, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, giao bị cáo H cho UBND xã Q giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Q trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 36 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Trương Công P 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ 7 ngày bị tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 26/12/2018. Quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo P còn phải chấp hành 11 tháng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện K, tỉnh H nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, giao bị cáo P cho UBND xã Đ, huyện K giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ trong việc giám sát giáo dục bị cáo

Miễn hình phạt bổ xung theo quy định tại Khoản 3 Điều 321, Khoản 3 Điều 36 – BLHS cho bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Trương Công P.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 91, Điều 98, Điều 100 - Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo: Trần Văn N 6 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ 7 ngày bị tạm giữ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 26/12/2018. Quy đổi thành 21 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo N còn phải chấp hành 5 tháng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Đ, huyện T, tỉnh T nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, giao bị cáo P cho UBND xã Đ, huyện T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ trong việc giám sát giáo dục bị cáo

Miễn hình phạt bổ xung theo quy định tại Khoản 3 Điều 321, Khoản 2 Điều 100 - BLHS cho bị cáo Trần Văn N,

Người bị cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 04 ngày trong một tuần.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a, điểm b, Khoản 1 Điều 47 - Bộ luật Hình sự; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 - Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu: 01 chiếc chiếu trúc đã cũ; 01 chiếc chăn lông có hoa văn màu đỏ đã cũ; 52 quân bài tú lơ khơ để tiêu hủy.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Văn Sơn 01 chiếc điện thoại Nokia model -105 để phát mại bán lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu bị cáo Trần Văn N 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đã cũ để bán phát mại lấy tiền xung quỹ Nhà nước.

Tịch thu 01 sim số 0373.450.xxx; 01 sim số điện thoại 0964.469.xxx để tiêu hủy.

Tịch thu số tiền 6.335.000đ (Sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) để xung quỹ Nhà nước

Toàn bộ tài sản trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/4/2019, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Sơn 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu đen, lắp sim số 0964.469.xxx, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Al pha màu trắng - bạc - đen BKS 21 E1 – 163.xx, 01 chiếc ví giả da bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn S1 và 01 đăng ký xe mô tô BKS 21 E1 – 163.xx

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động Iphon 5 màu trắng, bên trong lắp sim số 0961162xxx.

Trả lại cho bị cáo Trương Công P 01 chiếc điện thoại di động Nokia model TA1304 màu đen đã cũ, bên trong lắp sim số 0972533xxx

Toàn bộ tài sản trên được trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 26/01/2019.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H, bị cáo Trần Văn N, bị cáo Trương Công P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi họ cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

VKSND huyện, VKSND tỉnh
CA huyện
THAHS huyện
Sở Tư pháp
Chi cục THADS huyện
UBND xã Đ, T, P
UBND Xã Q, Q, T
UBND xã Đ, K, H
Bị cáo, người đại diện cho bị cáo
Người bào chữa cho bị cáo
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Khoa Hương